|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN ĐẮK SONG  **TRƯỜNG TH NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**  Số: /BC-… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Đắk Song, ngày 05 tháng 6 năm 2023* |

**BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**ỨNG DỤNG CNTT VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 – 2023**

# I. Tình hình chung:

**1. Thuận lợi:**

Trường CBQL, giáo viên 29 người, trong đó: CBQL: 03; Giáo viên 22; Nhân viên: 04. có đủ các tổ chức Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn, Đội theo quy định Điều lệ trường Tiểu học. Có các tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo chương trình và quy định của ngành.

Đội ngũ cán bộ quản lí (CBQL) 03 người đều nhiệt tình trong công tác, đã hoàn thiện các chương trình bồi dưỡng đào tạo đạt chuẩn, có ý thức tự học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhà trường là một tập thể sư phạm đoàn kết giúp đỡ nhau về mọi mặt. Chi bộ, công đoàn, chi đoàn là những tập thể vững mạnh. Năm học 2022 – 3023 rường có 19/657 HS; HS nữ: 318 em; HSDT:64 em.

**2. Khó khăn:**

Kỹ thuật về công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ quản lý chưa cao nên đôi khi lúng túng trong việc xử lý thông tin và cập nhật các phần mềm báo cáo.

Tuy đội ngũ CBGV đều đạt chuẩn về trình độ đào tạo nhưng việc ứng dụng công nghệ thông tin còn gặp nhiều khó khăn.

Cơ sở vật chất chưa đầy đủ ảnh hưởng tới việc áp dụng công nghệ thông tin trong công tác dạy học.

# II. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ

**1. Công tác chỉ đạo điều hành**

# Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 55/KH-NĐC ngày 15/9/2022 Ứng dụng công nghệ thông tin chuyển đổi số năm học 2022- 2023.

# Chỉ đạo tổ chức tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

# 2. Một số kết quả nổi bật về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số:

Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày.

  Trong quản lý giáo dục, nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ sở GDĐT, phòng GDĐT đến nhà trường. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua cũng đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn trường. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, duyệt giáo án qua drive và hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên đều vận dụng hiệu quả, tích cực.

  Về nhân lực, nhà trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Tin học được đưa vào giảng dạy bắt buộc ngay từ lớp 3 và 100% học sinh lớp 3 được học Tin học 01 tiết/ tuần; mô hình giáo dục STEM bước đầu giáo viên được tiếp cận, tiến tới dạy lồng ghép trong các môn học, gắn việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống.

 Về dạy - học, 100% giáo viên toàn trường biết ứng dụng dụng CNTT vào dạy học; tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường; tham gia làm bài giảng điện tử e-learning có chất lượng, tham gia xây dựng ngân hàng đề, câu hỏi trắc nghiệm .

# 3.Một số kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung | Trả lời | |
| **3.1.Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá** |  |  |
| **Kết quả triển khai hình thức dạy học trực tuyến, dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp:** |  |  |
| Duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS) | Có |  |
| Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính |  | Không |
| Tổng số học liệu (được người đứng đầu CSGD phê duyệt theo bậc học) hiện có bao nhiêu? | Số lượng | 22 |
| Học liệu năm học 2022-2023 xây dựng được: …. học liệu | Số lượng | 22 |
| 3.2. Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản trị CSGD và quản lý nhà nước về giáo dục |  |  |
| Triển khai phần mềm quản trị trường học | Có |  |
| Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử |  | Không |
| Triển khai chữ ký số | Có |  |
| Số giáo viên đã được cấp chữ ký số: …….. giáo viên | Số lượng | 22 |
| Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt |  | Không |
| 3.3. Hạ tầng, thiết bị phục vụ dạy tin học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số |  |  |
| Có mạng wifi cung cấp miễn phí cho cán bộ, giáo viên và học sinh | Có |  |
| Có phòng phát triển học liệu (phòng studio) |  | Không |
| Đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học theo mức nào (1, 2 hoặc 3) theo QĐ4725 | Mức 2 |  |
| 3.4.Việc tổ chức triển khai công tác báo cáo thống kê CSDL |  |  |
| Báo cáo thống kê kỳ đầu năm (Đúng hạn, trễ hạn) | Đúng hạn |  |
| Báo cáo thống kê kỳ cuối năm (Đúng hạn, trễ hạn) | Đúng hạn |  |
| 3.5. Phát triển nguồn nhân lực số phục vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số | Số lượng | Tỉ lệ |
| -Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến | 22/22 | 100% |
| Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng e- Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số | 22/22 | 100% |
| Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị | 10/29 | 34% |
| Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin | 29/29 | 100% |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm tiêu chí** | **Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1)** | | **Mức đáp ứng cơ bản**  **(Mức độ 2)** | | **Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3)** | |
| Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % |
| **1** | **Chuyển đổi số trong dạy, học** | 3 | 43% | 4 | 57% |  |  |
| **2** | **Chuyển đổi số trong quản trị CSGD** | 1 | 25% | 3 | 75% |  |  |

***Khó khăn, vướng mắc:***

Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh.  Vì vậy hiện nay vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử…) còn mang tính tự phát, chưa thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

Trình độ tin học của CBGVNV còn hạn chế nên việc thực hiện UDCNTT còn gặp nhiều khó khăn.

# 4. Dự kiến nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chính về triển khai ứng dụng CNTT năm học 2023-2024

 Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện chuyển đổi số trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

  Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo, giám sát thường xuyên việc thực hiện các tiêu chí về mức độ chuyển đổi số để có những chỉ đạo kịp thời.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường trau dồi kinh nghiệm cũng như trang bị kiến thức về công nghệ thông tin để đáp ứng kịp thời cho công tác giảng dạy và quản lí hồ sơ học sinh trên phần mềm trực tuyến.

# 5. Đề xuất, kiến nghị

Để việc chuyển đổi số trong nhà trường học đem lại hiệu quả cao thì Phòng Giáo dục  cần tăng cường tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học cũng như giúp học sinh tiếp cận với những phương pháp học tập hiện đại.

Ban giám hiệu nhà trường đầu tư kinh phí để xây dựng hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet cho nhà trường đồng bộ.

Trên đây là Báo cáo công tác tự tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2022- 2023 của trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu.

**HIỆU TRƯỞNG**

**PHỤ LỤC**

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Kết quả hội đồng tự đánh giá** | | | | | | | | | | | | | |
| **Chuyển đổi số trong dạy, học (100 điểm)** | | | | | | | **Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục (100 điểm)** | | | | **Điểm**  **Dạy học** | **Điểm**  **Quản trị** | **Tổng** |
| **Tên đơn vị** | 1.1 (có/không) | 1.2 (có/không) | 1.3 (30đ) | 1.4 (10đ) | 1.5 (20đ) | 1.6 (20đ) | 1.7 (20đ) | 2.1 (có/không) | 2.2 (có/không) | 2.3 (70đ) | 2.4(30đ) |
| 1 | Trường | có | có | 15 | 8 | 10 | 20 | 12 | có | có | 47 | 7 | **65** | **54** | **119** |

**(PGDĐ xây dựng đề cường báo cáo này Theo hướng dẫn nhiệm vụ cv 963/SGDĐT-VP, ngày 1/6/2023, các trường hoàn thành:**

1. **Báo cáo trên+Phụ lục thống kê; 2. PL QDD4725 và minh chứng dẫn link trong phụ lục lưu trên web và google drive)**
2. **lưu trữ báo cáo + PL QDD4725 + minh chứng các loại văn bản trên web**
3. **Hồ sơ mang về PGDĐT gồm 2 bộ đóng cuốn, mỗi bộ gồm: (1. Báo cáo CĐS mẫu trên; 2. PL QĐ4725 chấm điểm, minh chứng(link), thống kê kết quả) khi đi mang theo máy tính có kết nối mạng internet phục vụ kiểm tra, lấy minh chứng.**